

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 08/6/2026
V/v Tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Bà Trần Thị Chơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2026/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2026/QĐXXPT-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Bá Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: B1/5 ấp B, xã T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trần Văn C, sinh năm 1959.

Địa chỉ 2 L, phường R, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị X, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Tô Thị Y, sinh năm 1959

2. Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1955

3. Ông **Nguyễn Thanh H**

Cùng địa chỉ: **Ấp V, xã V, tỉnh An Giang**.

4. **Ngân hàng C1 - Phòng G**.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T** – Phó Giám đốc

Địa chỉ: **Ấp C, xã U, tỉnh An Giang**.

Người kháng cáo: Bị đơn bà **Đặng Thị X**.

(Ông **Q**, ông **C**, bà **X** có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông **Phạm Bá Q** trình bày: Ông **Q** và bà **Đặng Thị X** đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 71 ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, khi ly hôn chưa giải quyết tài sản chung. Ông và bà **X** có lập biên bản thoả thuận phân chia tài sản chung ngày 16/5/2024, nhưng khi ly hôn xong bà **X** không thực hiện theo thoả thuận. Nay ông **Q** yêu cầu phân chia tài sản là QSD đất và căn nhà cấp 4 tại **ấp V, xã V, tỉnh An Giang** với giá 400 triệu đồng, nếu bà **X** nhận nhà đất thì trả lại cho ông **Q** 200 triệu đồng và ngược lại. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **Q** đồng ý với kết quả định giá 297.057.000 đồng, mỗi người được nhận ½. Nếu ông **Q** nhận nhà, đất thì ông trả lại cho bà **X** ½ giá trị và hỗ trợ thêm 20 triệu đồng cho bà **X** di dời đồ đạc ra khỏi nhà.

- Bị đơn bà **Đặng Thị X** trình bày: Bà **X** thừa nhận bà và ông **Q** thuận tình ly hôn và có thoả thuận phân chia tài sản chung vào ngày 16/5/2024 như ông **Q** trình bày là đúng. Nhưng bà không thực hiện thoả thuận vì vào tháng 10/2024 và tháng 12/2024 ông **Q** xuống nhà bà đang ở, kêu bà giao đủ tiền theo thoả thuận, nhưng bà không đồng ý nên ông **Q** hăm dọa nếu bà không giao tiền thì sẽ làm đơn thưa cho bà **X** phải nghỉ việc. Bà không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông **Q** với giá trị nhà đất 400 triệu đồng. Bà đồng ý với kết quả định giá 297.057.000 đồng. Số tiền vay **Ngân hàng C1 – Phòng G** 12.000.000 đồng bà đã trả xong, không yêu cầu chia số tiền này.

Hiện nay, bà không có khả năng trả tiền theo thoả thuận ngày 16/5/2024, bà chỉ đồng ý giao tiền cho ông **Q** 100 triệu đồng, nhưng xin trả mỗi tháng 4.200.000 đồng từ ngày 16/3/2025 cho đến khi trả đủ số tiền, không đồng ý trả ½ giá trị nhà đất cho ông **Q**, không đồng ý giao nhà, đất cho ông **Q**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Tô Thị Y** và ông **Võ Văn K** trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông **Phạm Bá Q** và bà **Đặng Thị X** là của vợ chồng ông bà, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 001195, thuộc thửa số 230, tờ bản đồ số 08, diện tích 3.429,2m² do **UBND huyện U** cấp ngày 09/6/2009. Ông bà không nhớ rõ cụ thể thời gian nào, ông bà có bán 01 phần đất diện tích 215,4m² cho ông **Nguyễn Thanh H**, sau đó ông **H** bán cho ông **Q**, bà **X** nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Hiện nay, GCN QSD đất ông bà đang giữ, không cầm cố, thế chấp. Bà **Tô Thị Y** và ông **Võ Văn K** không có yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa ông **Q** và bà **X**.

- **Ngân hàng C1, Phòng G** do người đại diện trình bày:

Bà **Đặng Thị X** và ông **Phạm Bá Q**, có vay vốn tại **Ngân hàng C1 – Phòng G** cụ thể: Vào ngày 20/10/2020 vay 12.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: Xây cây nước, nhà vệ sinh. Bà **X** đã trả nợ xong vào ngày 08/10/2025 nên Ngân hàng chính sách rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 02/2026/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang đã quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Bá Q** về việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn.

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền ọi, nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng C1 – Phòng G** về việc yêu cầu ông **Phạm Bá Q** và bà **Đặng Thị X** trả số tiền vay 12.000.000 đồng.

2. Ông **Phạm Bá Q** và bà **Đặng Thị X** mỗi người được chia ½ phần đất có diện tích 141,1m², trong đó đất HLATGT 74,3m² theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2025 của Tòa án và Tờ trích đo địa chính số TĐ 124-2025 (28-39) ngày 12/6/2025 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện U** và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và cây trồng tọa lạc tại **ấp V, xã V, tỉnh An Giang**, theo Chứng thư thẩm định giá số: 25/9/109/CT-ĐG-TVAP ngày 30/9/2025 của **Công ty TNHH Đ**. Tổng giá trị 297.057.000 đồng, mỗi người được chia 148.528.000 đồng.

3. Giao cho bà **Đặng Thị Xuân P** đất có diện tích: 141,1m² trong đó đất HATGT: 74,3m² theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2025 của Tòa án và Tờ trích đo địa chính số TĐ 124-2025 (28-39) ngày 12/6/2025 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện U** và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và cây trồng tọa lạc tại **ấp V, xã V, tỉnh An Giang**. Bà **X** có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục để được cấp GCN QSD đất theo quy định pháp luật về đất đai. Đồng thời, buộc bà **Đặng Thị X** có nghĩa vụ giao lại cho ông **Phạm Bá Q** số tiền 148.528.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng). Phần nhà, đất,

cây trồng hiện này bà X đang quản lý, sử dụng nên không buộc ông Q phải giao cho bà X.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 23 tháng 01 năm 2026, bị đơn Bà Đặng Thị X kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho ông Phạm Bá Q. Yêu cầu ông Q có chứng cứ đóng góp mua đất và xây dựng nhà trên đất, chứng minh nguồn kinh tế thu nhập.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không bổ sung thêm chứng cứ mới.

- Người kháng cáo, bị đơn bà Đặng Thị X trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà X đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất cho ông Q theo văn bản thỏa thuận ngày 16/5/2024, bà yêu cầu giao cho ông Q 02 lần, do bà không có khả năng kinh tế giao 01 lần. Ông Q không có công sức đóng góp mua đất cất nhà mà do nguồn tiền mua đất xây nhà là từ thu nhập của bà. Bà cũng không đồng ý giao nhà đất cho ông Q để nhận 200.000.000đ như ý kiến của ông Q. Do sau khi định giá bà đã sửa nhà nên cũng không yêu cầu định giá lại nhà đất trên.

- Nguyên đơn ông Phạm Bá Q trình bày: k=Không đồng ý kháng cáo của bà X, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm. Ông cũng không đồng ý theo trình bày của bà X chia theo văn bản thỏa thuận ngày 16/5/2024. Do giá trị nhà đất hiện nay đã tăng, nếu bà X không đồng ý theo bản án sơ thẩm thì ông yêu cầu được nhận nhà đất và ông sẽ giao bà X giá trị nhà đất là 200 triệu đồng, hiện nay ông không có nhà ở và đang ở nhà trọ.

Người đại diện của ông Q là ông C có ý kiến: Không chấp nhận kháng cáo của bà X, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sửa lại quan hệ tranh chấp của bản án sơ thẩm ghi là chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt những người liên quan.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà **Đặng Thị X**:

Tại tòa phúc thẩm ông **Q** bà **X** thống nhất tài sản chung vợ chồng chưa chia sau ly hôn là quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 trên đất: Quyền sử dụng đất diện tích 141,1m² trong đó đất hành lang an toàn giao thông 74,3m². Vị trí, hiện trạng theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 21/4/2025 và Tờ trích đo số 124 ngày 12/6/2025. Định giá nhà đất và cây trồng trên đất ngày 30/9/2025 là 297.057.000đ, nhà đất tại **ấp V, xã V, tỉnh An Giang**. Tại cấp phúc thẩm các đương sự không yêu cầu định giá lại.

Bà **X** và ông **Q** thống nhất hai bên có lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 16/5/2024. Nội dung thỏa thuận bà **X** chia ông **Q** giá trị nhà đất là 100.000.000đ và giao trả 02 lần. Tại phiên tòa phúc thẩm bà **X** yêu cầu thực hiện theo thỏa thuận trên, không đồng ý theo phân chia của bản án sơ thẩm, do ông **Q** không có công sức đóng góp tiền mua đất, xây nhà.

Xét thấy quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông **Q**, bà **X**. Hai bên không có chứng cứ chứng minh cụ thể nguồn tiền mua đất xây nhà. Giá trị nhà đất theo văn bản thỏa thuận ngày 16/5/2024 thấp hơn Chứng thư định giá tại cấp sơ thẩm. Bà **X** không đồng ý giao nhà đất cho ông **Q** để nhận giá trị 200 triệu đồng từ ông **Q** (nhiều hơn bản án sơ thẩm tuyên) do nhà đã được sửa, gần nơi làm việc của bà và hiện tại bà cũng không có nhà ở khác.

Tại phiên tòa bà **X** không có chứng cứ chứng minh cụ thể khách quan bà có công sức đóng góp nhiều hơn ông **Q** trong nguồn tiền mua đất xây nhà là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà **X**, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

[3] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá giữ y bản án sơ thẩm.

[4] Án phí:

- Án phí sơ thẩm: giữ y bản án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: bà **Đặng Thị X** phải nộp 300.000đ do kháng cáo không được chấp nhận. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà **X** đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Điều 11, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà **Đặng Thị X**.
- Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2026/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phạm Bá Q** về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ngân hàng C1 – Phòng G** về việc yêu cầu ông **Phạm Bá Q** và bà **Đặng Thị X1** trả số tiền vay 12.000.000 đồng, do rút yêu cầu khởi kiện độc lập.

2. Công nhận tài sản chung của ông **Phạm Bá Q** và bà **Đặng Thị X** là: Quyền sử dụng đất diện tích đất 141,1 m² trong đó đất HLATGT 74,3 m². Vị trí hiện trạng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2025 của Tòa án và Tờ trích đo địa chính số TĐ 124-2025 (28-39) ngày 12/6/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai huyện U**; Tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và cây trồng tọa lạc tại **ấp V, xã V, tỉnh An Giang**. Giá trị nhà đất cây trồng theo chứng thư thẩm định giá số 25/9/109/CT-ĐG-TVAP ngày 30/9/2025 của **Công ty TNHH Đ**, tổng giá trị: 297.057.000 đồng.

Chia ông **Phạm Bá Q** và bà **Đặng Thị X** mỗi người ½ giá trị nhà đất, cây trồng trên đất theo định giá, mỗi người được chia là 148.528.500 đồng, tính tròn 148.528.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2.1 Giao cho bà **Đặng Thị Xuân sở H1** nhà và quyền sử dụng đất: Diện tích đất 141,1 m² trong đó đất HLATGT 74,3 m²; Tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và cây trồng tọa lạc tại **ấp V, xã V tỉnh An Giang**. Vị trí hiện trạng nhà đất cây trồng trên đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2025 của Tòa án và Tờ

trích đo địa chính số TĐ 124-2025 (28-39) ngày 12/6/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai huyện U**. Bà **X** có nghĩa vụ tiến hành các thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.2 Buộc bà **Đặng Thị X** có nghĩa vụ giao cho ông **Phạm Bá Q** $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất là 148.528.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng). Phần nhà, đất, cây trồng hiện nay bà **X** đang quản lý, sử dụng nên không buộc ông **Q** phải giao cho bà **X**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không chấp hành, hoặc thi hành không hết số tiền trên, thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trên số tiền chậm thi hành án.

3. Chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00000458 ngày 17/6/2025 của Chi nhánh **văn phòng đăng ký đất đai huyện U** số tiền là 889.920 đồng. Ông **Q**, bà **X** mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$. Ông **Q** đã tạm nộp, bà **X** trả lại cho ông **Q** số tiền: 444.960 đồng. Chi phí định giá là 4.400.000 đồng. Ông **Q**, bà **X** mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, ông **Q** đã tạm nộp, bà **X** trả lại cho ông **Q** số tiền 2.200.000 đồng.

4. Án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông **Phạm Bá Q** phải nộp án phí giá ngạch trên tài sản được chia là 7.426.425 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo lai thu số 0000836 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – An Giang) ông **Q** phải nộp thêm 2.426.425 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Bà **Đặng Thị X** phải nộp án phí giá ngạch trên tài sản được chia là 7.426.425 đồng (Bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)

Ngân hàng C1 - **Phòng G** thuộc trường hợp khởi kiện không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

- Án phí phúc thẩm: Bà **Đặng Thị X** phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà **X** đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000408 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Khu vực 6 – An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6– An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương